

**ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF
MỘT QUỸ MỞ ĐƯỢC QUẢN LÝ BỞI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK**



**Bản sửa đổi theo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ
ngày 08 tháng 05 năm 2026**

Nội dung

CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
ĐỊNH NGHĨA	6
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	10
Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ	10
Điều 2: Thời hạn của Quỹ	10
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	10
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán	10
Điều 5. Đại diện của Quỹ	11
Điều 6. Công ty quản lý quỹ	11
Điều 7. Ngân hàng giám sát	11
Chương II. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	12
Điều 9. Chiến lược đầu tư	12
Điều 10. Hạn mức đầu tư	13
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ	16
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	17
Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	17
Điều 13. Nhà đầu tư	17
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	18
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư	20
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	21
Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản	22
Điều 18. Giá dịch vụ, giá phát hành và mua lại Đơn Vị Quỹ	24
Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ	25
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	25
Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	25
Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư	25
Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường	26
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư	26
Điều 24. Điều kiện và thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư	27
Điều 25. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	29
Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	29
Điều 26. Ban Đại diện Quỹ	29
Điều 27. Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ	30
Điều 29. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ	31
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ	31
Điều 31. Họp Ban Đại Diện Quỹ	32
Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	32
Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	32
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	33
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	33

Điều 35. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	34
Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	35
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát.....	35
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	36
Điều 38. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát.....	37
Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát	39
Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN	39
Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền	39
Điều 41. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.....	39
Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan	40
Điều 43. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	41
Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	42
Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	42
Điều 45. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ	42
Điều 46. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối.....	43
Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	44
Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	47
Điều 48. Công ty kiểm toán.....	47
Điều 49. Năm tài chính.....	47
Điều 50. Chế độ kế toán	47
Điều 51. Báo cáo tài chính	47
Điều 52. Báo cáo khác	48
Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	48
Điều 53. Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”)	48
Điều 54. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ.....	48
Điều 55. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	54
Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ	55
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	55
CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ.....	56
Điều 58. Thu nhập của Quỹ	56
Điều 59. Phân phối lợi nhuận	56
Điều 60. Chi phí hoạt động của Quỹ.....	56
CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	58
Điều 61. Các điều kiện để hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ	58
Điều 62. Điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ.....	58
Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích.	59
Điều 64. Thông báo và công bố thông tin	59
Điều 65. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ	60
Điều 66. Hiệu lực của Điều Lệ.....	60
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	61
Phụ lục 2.....	63
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	63
Phụ lục 3.....	64
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	64
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	64

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp;
2. Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.
3. Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
4. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
5. Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
6. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
7. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
8. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
9. Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
10. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12

năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;

11. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
12. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
13. Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
14. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;
15. Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 08 năm 2021;
16. Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
17. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
18. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
19. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
20. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025; và
21. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

ĐỊNH NGHĨA

“Ban Đại Diện Quỹ” hoặc “BĐĐQ”	có nghĩa là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra và đại diện cho Nhà đầu tư để giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Bản Cáo Bạch”	có nghĩa là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“BOONG”	là chương trình đầu tư BỔ ỚNG - là kế hoạch đầu tư vào Quỹ được mô tả chi tiết trong Bản Cáo Bạch
"Chủ Tịch"	có nghĩa là chủ tịch của Ban Đại Diện Quỹ
“Chứng Chỉ Quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Cổ Tức Quỹ”	là các khoản lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ mà Quỹ phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Điều 48 của Điều Lệ này, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm báo cáo tài chính của Quỹ.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “CTQLQ” hoặc “VCBF”	có nghĩa là Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2005 (và các giấy phép như được sửa đổi vào từng thời điểm), đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 32 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 33 của Điều Lệ này.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của các Nhà đầu tư của Quỹ được tổ chức để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của Nhà đầu tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	có nghĩa là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền theo như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này.

“Đại Lý Phân Phối”	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ.
“Điều Lệ”	có nghĩa là văn bản này, các phụ lục đính kèm ở đây và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua vào từng thời điểm và áp dụng cho Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
“Đồng Việt Nam” hoặc “VND”	có nghĩa đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ” hoặc “NAV Của Quỹ”	có nghĩa là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là lệnh bán của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là được sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận là sở hữu bởi Nhà đầu tư đó.
“Lệnh chuyển nhượng”	là lệnh của Nhà đầu tư chuyển nhượng quyền sở hữu của một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển nhượng của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện chuyển đổi quyền sở hữu một lượng đơn vị quỹ nhất định sang người khác theo quy định của Pháp Luật.

“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận nói chung.
“Lệnh Mua”	là lệnh của nhà đầu tư đặt mua Đơn Vị Quỹ.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Mức phòng vệ thanh khoản”	Là mức áp dụng đối với Nhà Đầu Tư khi thực hiện bán Chứng Chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định tại Khoản 8 Điều 17 Điều lệ này.
“Năm Tài Chính”	có nghĩa như định nghĩa tại Điều 49 của Điều Lệ này.
“Ngày Định Giá”	là ngày NAV của Quỹ được xác định và được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.
“Ngày Giao Dịch”	có nghĩa là ngày làm việc mà Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ phát hành và/hoặc mua lại chứng chỉ quỹ như quy định tại Điều 16.2 của Điều Lệ này.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngân Hàng Giám Sát”	có nghĩa là ngân hàng quy định tại Điều 7 được chỉ định để cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định trong Điều 37 của Điều Lệ này.
“Nghị Quyết Đặc Biệt”	có nghĩa là nghị quyết được Nhà đầu tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 của Điều Lệ này.

“Nghị Quyết Thường”	Thông	có nghĩa là một nghị quyết được Nhà đầu tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều 24.
“Nhà đầu tư”		là cá nhân hoặc tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ được đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
“Pháp Luật”		có nghĩa là pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Quỹ”		có nghĩa là Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF, một loại hình quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo các quy định hiện hành về chứng khoán tại Việt Nam và Điều Lệ này.
“Quỹ Hưu Trí” hoặc “Quỹ Bảo Hiểm Hưu Trí Bổ Sung”		là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định pháp luật. Quỹ Hưu Trí có thể là Nhà Đầu Tư vào Quỹ.
“SDP”		là chương trình bán định kỳ như được mô tả chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
“SIP”		là chương trình đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư thường xuyên vào Quỹ như được mô tả chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính”		là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính có thể được gọi tắt là Sổ Chính.
“Sổ Tay Định Giá”		được Công Ty Quản Lý Quỹ lập ra nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều Lệ của Quỹ và quy định pháp luật.
“Thời Điểm Đóng Lệ”	Sổ	có nghĩa là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân Phối có thể nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ từ nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ và được xác định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
“UBCKNN”		có nghĩa là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
“Vốn Điều Lệ”		là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này.

“Xử Lý Dữ Liệu”	Là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân và/hoặc thông tin, dữ liệu của tổ chức, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hành động khác có liên quan.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định của Pháp Luật với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều Lệ này.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ

Tên tiếng Việt :	QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF		
Tên tiếng Anh:	VCBF Fixed Income Fund		
Địa chỉ liên hệ:	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội		
Điện thoại:	84-24-39364540	Fax	: 84-24-39364542
Website:	www.vcbf.com.		

Điều 2: Thời hạn của Quỹ

Ngày thành lập Quỹ: 09/08/2019

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán

1. Vốn Điều Lệ của Quỹ khi thành lập quỹ (hoàn thành IPO) là 56.581.812.800 VNĐ (năm mươi sáu tỷ năm trăm tám mươi một triệu tám trăm mười hai ngàn tám trăm đồng). Vốn Điều Lệ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng Việt Nam).

2. Nhà đầu tư góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

Điều 5. Đại diện của Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo pháp luật của Quỹ chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 (và các giấy phép như được sửa đổi vào từng thời điểm)

Trụ sở chính: Tầng 15, toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84)-24-39364540

Fax: (84)-24-39364542

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 39368000

Fax: +84 24 38378356

Chương II. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- (e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định Pháp Luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định Pháp Luật.

Việc đầu tư vào các tài sản được nêu tại điểm (e) khoản 1 của Điều 9 này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;

Được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp

hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

- Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) khoản 1 của Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống;

- Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

(f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Quỹ được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Các tài sản đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì tài sản đầu tư của Quỹ sẽ tự động thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới.

Quỹ kiếm tìm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

2. Phân bổ tài sản của Quỹ

Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ đầu tư sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20,0% (Hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Điều 10. Hạn mức đầu tư

1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

(a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm

- (a), (b) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này. Quy định này không áp dụng đối với quỹ trái phiếu.
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d) và (e) của Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này mà được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- (e) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tài sản quy định điểm (e) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này; trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e) và (f) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF – FIF;
- (i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;

- (l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) của Khoản 1 Điều 9 “Chiến lược Đầu tư” (nêu ở bên trên) phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Các hạn mức đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì hạn mức đầu tư của Quỹ sẽ tự động thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới.

2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Điểm (b), (c), (d), (e) và (i) Khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - (a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - (b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - (c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
 - (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể
3. Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư được quy định tại Điểm (a), (b), (c), (d) của Khoản 2 Điều này, VCBF có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin trong thời gian quy định và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 1 của Điều này trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.
4. Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì VCBF không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, VCBF có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin trong thời gian quy định và phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, VCBF phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.
5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - (a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - (b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- (c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
 - (d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.
7. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ), Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
 - (b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại Điểm a Khoản này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban Đại Diện Quỹ xem xét, quyết định.
8. Đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:
- (a) Đã được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch.
 - (b) Được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
 - (c) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm (a) khoản này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích để Ban Đại Diện Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng Tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp tuân thủ các quy định tại Điều Lệ này bao gồm nhưng không giới hạn các quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Điều Lệ này và Pháp Luật.

Dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Đối với Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Công Ty Quản Lý Quỹ tập trung vào quản lý kỳ hạn, lựa chọn trái phiếu dựa trên nhận định về xu hướng lãi suất, tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng trả nợ cao.

Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế và xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được cho phép đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư pháp nhân sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho sổ Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang nắm giữ. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
3. Nhà đầu tư là Quỹ Hưu Trí phải cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho sổ Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ như đối với Nhà đầu tư là tổ chức và tuân thủ (các) Điều lệ Quỹ Hưu Trí mà họ làm đại diện hoặc điều khoản hợp tác cũng như quy định của Pháp Luật.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ (ngoại trừ các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý), thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kiểm soát viên, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đơn đăng ký và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:

- (a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
- (b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
- (c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch;
- (d) Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- (e) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- (f) Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch;
- (g) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- (h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- (i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch);
- (j) Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:

- (a) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch;
- (b) chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ; chịu trách nhiệm với tư cách là người sở hữu Quỹ đối với các tổn thất hoặc nợ của Quỹ, nếu có, được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ;
- (c) tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu được uỷ quyền để đưa ra các quyết định đó phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- (d) Nhà Đầu Tư đồng ý rằng Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Đại Lý Phân Phối, Đại Lý Chuyển Nhượng và các bên liên quan khác có thể thực hiện hoạt động Xử Lý Dữ Liệu đối với: (i) dữ liệu cá nhân (bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm theo quy định của Pháp Luật) của Nhà Đầu Tư và những người có liên quan của Nhà Đầu Tư (bao gồm người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo uỷ quyền, người hưởng lợi và những cá nhân, tổ chức liên quan khác); (ii) thông

tin về giao dịch mua, bán, sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, cho các mục đích sau đây:

- Thực hiện hoạt động quản lý Quỹ, các hoạt động được phép theo quy định tại Điều Lệ và Pháp Luật và/hoặc các hoạt động khác vì lợi ích của Nhà Đầu Tư;
- Thực hiện yêu cầu, lệnh, giao dịch của Nhà Đầu Tư;
- Thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc theo quy định của Pháp Luật;
- Các mục đích khác đã được Nhà Đầu Tư đồng ý, chấp thuận;

(e) Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

(a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

(b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ;

(c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

(d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp thông báo mời họp đại hội nhà đầu tư có quy định thời hạn khác;

(e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ.

4. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

5. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong

tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (“Sổ Chính”) và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (“Sổ Phụ”) để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.
2. Sổ Chính, sổ phụ (nếu có) sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ.
 - (b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - (c) Thông tin về Nhà đầu tư, bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có), số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu, tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
 - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), tên giao dịch (nếu có), địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu, tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; tên đầy đủ, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó.
 - (d) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh (nếu có) và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài;
 - (e) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư;
3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh theo yêu cầu của Pháp Luật. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trong Sổ chính kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm khi thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Chính.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ:
Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ Đơn Vị Quỹ theo quy định tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.
4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ. Chi tiết về lệnh mua được quy định tại Bản Cáo Bạch.
5. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ. Chi tiết về lệnh bán được quy định tại Bản Cáo Bạch.
6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được xác nhận là do Nhà đầu tư nắm giữ và sẽ được coi là cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận.
7. Phù hợp với quy định tại Điều 17, Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch đó.
8. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ để thực hiện trong Ngày Giao Dịch (ngày T) là vào 14h00 ngày T-1 tại các Điểm Nhận Lệnh.
9. Tất cả các thanh toán để mua Đơn Vị Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
10. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Đơn Vị Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, tùy theo thiết kế của Công Ty Quản Lý Quỹ, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư khoản tiền thường xuyên để mua các Đơn Vị Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, ... được quy định trong Bản Cáo Bạch.
11. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng Chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư BỔ ÓNG (sau đây gọi là "BOONG"). Theo đó, tùy theo thiết kế của Công Ty Quản Lý Quỹ, nhà đầu tư lựa chọn chương trình BOONG có thể ủy quyền cho Đại Lý Phân Phối đặt lệnh đầu tư theo

khoản tiền được ghi có vào tài khoản của Quỹ để mua các Chứng Chỉ Quỹ. Cách thức ủy quyền đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, ... được quy định trong Bản Cáo Bạch.

12. Nhà Đầu Tư có nhu cầu bán Chứng Chỉ Quỹ định kỳ có thể đặt lệnh một lần cho nhiều kỳ giao dịch theo chương trình bán định kỳ (sau đây gọi là “SDP”). Chi tiết về Chương trình SDP được quy định tại Bản Cáo Bạch.
13. Phù hợp quy định pháp luật, Quỹ Hưu Trí có thể giao dịch Chứng Chỉ quỹ theo điều khoản, điều kiện thống nhất, được phê chuẩn trong các tài liệu liên quan của quỹ hưu trí và/hoặc được Công Ty Quản Lý Quỹ đồng ý.

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản

1. Công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
 - (a) Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn hoặc bằng 5% (năm phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc
 - (b) Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà đầu tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Các nguyên nhân của việc thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận này phải được thông báo trực tiếp cho Nhà đầu tư trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Lệnh Được Chấp Nhận hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Việc thực hiện một phần lệnh bán và lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa thực hiện sẽ được hủy. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Các điều kiện bất khả kháng;
 - (b) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
 - (c) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;

(d) Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tạm ngừng dịch vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc Đại Lý Chuyên Nhượng; hoặc

(e) Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện trên trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

5. Với Lệnh Mua Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần, mọi tiền lãi có được do Quỹ nhận được thanh toán cho việc thực hiện một phần Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ thuộc về Nhà đầu tư và được nhập vào khoản gốc của Lệnh Mua Được Chấp Nhận, trừ khi Nhà đầu tư có yêu cầu khác.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tối đa sẽ là chín mươi (90) ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 của Điều này chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.
8. Mức Phòng Vệ Thanh Khoản là mức áp dụng đối với Nhà Đầu Tư khi thực hiện bán Chứng Chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - (a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng Chính Sách Về Việc Áp Dụng Mức Phòng Vệ Thanh Khoản cho Quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với Nhà Đầu Tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội Nhà Đầu Tư phê duyệt và cập nhật tại Bản Cáo Bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định hoặc giao cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ;
 - (b) Mức Phòng Vệ Thanh Khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Mức Phòng Vệ Thanh Khoản tối đa là 5% NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Mức Phòng Vệ Thanh Khoản cụ thể được quy định tại Bản Cáo Bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối;

- (c) Thời điểm áp dụng Mức Phòng Vệ Thanh Khoản là 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông báo tới Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng Mức Phòng Vệ Thanh Khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho Nhà Đầu Tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản;
- (d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Công Ty Quản Lý Quỹ, thông báo tới Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt;
- (e) Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 18. Giá dịch vụ, giá phát hành và mua lại Đơn Vị Quỹ

Giá dịch vụ liên quan đến giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Nhà đầu tư trực tiếp thanh toán và không tính vào chi phí của Quỹ.

1. Giá phát hành

Giá phát hành (giá bán) một chứng chỉ quỹ (tức là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ) được tính bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

2. Giá mua lại

Giá mua lại một đơn vị quỹ (tức là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư) được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.

3. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng 5,0% (năm phần trăm) giá trị Lệnh Mua. Giá dịch vụ phát hành cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang thông tin điện tử của VCBF.

Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP) có thể được giảm trừ Giá Dịch Vụ Phát Hành theo thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang thông tin điện tử của VCBF.

4. Giá dịch vụ mua lại

Giá dịch vụ mua lại tối đa 3,0% (ba phần trăm) trên giá trị giao dịch và được trừ vào khoản tiền trả cho Nhà đầu tư theo lệnh bán.

Thời gian nắm giữ được tính toán cho mỗi lần mua, bán sử dụng phương pháp mặc định là mua trước, bán trước.

Giá dịch vụ mua lại cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang thông tin điện tử của VCBF..

5. Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ

Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa là mức chênh lệch giữa giá dịch vụ phát hành của Quỹ mục tiêu với giá dịch vụ phát hành của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không (0) và tối đa không quá 3,0% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Mức Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ cụ thể sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố trên trang thông tin điện tử tùy theo từng thời điểm.

Lệnh chuyển đổi Quỹ sẽ không bị tính giá dịch vụ mua lại. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

6. Giá dịch vụ chuyển nhượng

Nhà đầu tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng tối đa là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang thông tin điện tử của VCBF.

Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp Luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký với điều kiện người được thừa kế cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về thừa kế đó.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trường hợp Quỹ bị thua lỗ, khoản lỗ sẽ được dồn sang năm sau để tính lợi nhuận lũy kế.

Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà đầu tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của đại hội ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội. Phù hợp với quy định pháp luật, Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tiến hành theo hình thức cuộc họp trực tiếp, bỏ phiếu điện tử, lấy ý kiến bằng văn bản, hình thức cuộc họp trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.

2. Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên. Trường hợp tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên, Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên phải được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục báo cáo theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong thời hạn do Pháp Luật quy định theo yêu cầu của:
 - (a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - (b) Nhà Đầu Tư hoặc nhóm nhà đầu tư nắm giữ ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ khi nhận thấy:
 - có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế.
2. Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư hoặc nhóm nhà đầu tư yêu cầu triệu tập họp bất thường sẽ phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư bất thường, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà đầu tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều Lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.
2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà đầu tư có quyền:
 - (a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - (b) Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - (c) Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

- (d) Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- (e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- (f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- (g) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;

Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.

Điều 24. Điều kiện và thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi có sự tham gia của Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) của tổng số phiếu có quyền biểu quyết. Nhà Đầu Tư có thể tham gia và biểu quyết trực tiếp, hoặc thông qua ủy quyền tham gia và biểu quyết, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc thông qua bỏ phiếu điện tử, hoặc thông qua biểu quyết bằng văn bản (hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào khác) được tiến hành trước hoặc tại thời điểm đại hội phù hợp quy định của pháp luật.
2. Trong vòng một khoảng thời gian hợp lý ít nhất 30 (ba mươi) phút kể từ thời gian dự kiến tiến hành đại hội hoặc một thời hạn khác được nêu trong thông báo mời họp, nếu tỷ lệ tham gia tối thiểu của Nhà Đầu Tư không đạt yêu cầu, Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất dự định khai mạc mà không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham gia.
3. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ngân Hàng Giám Sát, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
4. Đại hội nhà đầu tư thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp quy định pháp luật khác. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp, biểu quyết nghị quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu và/hoặc thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Trong trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc ít nhất ba Nhà đầu tư có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền của họ yêu cầu thay đổi, bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một lá phiếu.

5. Nghị quyết sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp thông qua nếu được những Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) của tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia thông qua (“Nghị Quyết Thông Thường”), trừ khi nghị quyết đó liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm (b), (c) của Khoản 2 của Điều 23 của Điều lệ này, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Nhà đầu tư đại diện cho trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thông qua (“Nghị Quyết Đặc Biệt”).
6. Các vấn đề do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định cũng có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, bằng bỏ phiếu điện tử hoặc bằng bất kỳ hình thức họp pháp nào khác trên nguyên tắc gửi nghị quyết dưới hình thức bản in, bản điện tử hoặc bất cứ hình thức họp pháp khác tới tất cả Nhà đầu tư và xin ý kiến của Nhà đầu tư. Trừ khi nghị quyết có liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm (b), (c) của Khoản 2 của Điều 23 của Điều lệ này, bất cứ vấn đề nào được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư sẽ chỉ được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết ý kiến thông qua. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo về thời gian, nội dung các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày thực hiện. Ý kiến Nhà Đầu Tư phải được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc hoàn thành biểu quyết trước hoặc trong ngày thực hiện lấy kiến Nhà Đầu Tư (thời gian cụ thể theo thông báo mời họp). Phù hợp với quy định pháp luật, các vấn đề chi tiết khác liên quan đến trình tự thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (nếu có) sẽ được Ban Đại Diện Quỹ quyết định. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.
7. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai được tổ chức theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được những Nhà đầu tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) của tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia thông qua cho mọi vấn đề trừ vấn đề quy định tại Điểm (b), (c) của Khoản 2 Điều 23 của Điều Lệ này, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Nhà đầu tư đại diện cho trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thông qua.
8. Sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, BDDQ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN theo quy định pháp luật.
9. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành theo hình thức cuộc họp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức tương tự nào khác phù hợp quy định Pháp luật, các quy định cho cuộc họp thông thường sẽ được áp dụng với những nội dung tương ứng và/hoặc tuân theo các thủ tục được nêu trong thông báo mời họp. Ngân hàng giám sát, Công ty kiểm toán có quyền tham dự trực tiếp hoặc qua phương thức trực tuyến và tuân theo thủ tục cuộc họp phù hợp với Điều lệ Quỹ và pháp luật nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định về các nội dung quy định tại điểm (b), (c) Khoản 2 Điều 23 của Điều Lệ này có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của những Nhà đầu tư, số tài khoản lưu ký và số lượng Đơn Vị Quỹ và lý do yêu cầu bán hoặc chuyển đổi sang quỹ khác và gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý phân phối trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu ba (03) thành viên và tối đa là mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.
2. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm:
 - (a) ít nhất một (01) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
 - (b) ít nhất một (01) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
 - (c) ít nhất một (01) thành viên, không cần thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 27. Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
 - (a) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - (b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

- (c) Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.
2. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 3. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
 4. Trường hợp Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, trình tự thủ tục bầu cử, nếu có, sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
 5. Thành viên không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức tuy nhiên với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ tịch và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất 60 (sáu mươi) ngày.
 6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều Lệ này, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư, thực hiện các phù hợp quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách tổ chức tín dụng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định hiện hành; phê duyệt quy trình quản lý rủi ro áp dụng đối với trường hợp Quỹ đầu tư vào trái phiếu phát hành riêng lẻ.
3. Trong phạm vi thẩm quyền, chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo phương thức thỏa thuận và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định pháp luật. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.
4. Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp Luật.

6. Phê duyệt phương án tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của năm đăng ký hạn mức tự doanh.
7. Quyết định việc áp dụng Mức Phòng Vệ Thanh Khoản trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Chính Sách Về Việc Áp Dụng Mức Phòng Vệ Thanh Khoản cho Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.
8. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
9. Trong trường hợp quyết định do BDDQ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
10. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, vì quyền lợi của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.
11. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được thảo luận trong cuộc họp.
12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo đúng quy định pháp luật.

Điều 29. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch là thành viên độc lập, được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - (a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư, trừ trường hợp được quyết định khác theo Điều lệ này;
 - (b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và
 - (c) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Trong trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ Tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ Tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ Tịch mới được bầu/bổ nhiệm.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong một trong những trường hợp sau:

- (a) miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- (b) hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;

- (c) vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong hai (02) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- (d) không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- (e) bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 31. Họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ trên năm mươi phần trăm (50%). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
3. Nghị quyết, quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức họp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một (01) phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
4. Nghị quyết, quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên tham dự và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ, rõ ràng vào biên bản. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ dự họp, thư ký cùng ký tên vào biên bản cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ quy định pháp luật.

Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;

4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ:

Công Ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều Lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này. Công ty Quản lý quỹ sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

- (a) nhận giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều 60 của Điều Lệ này;
- (b) Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
- (c) tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ;
- (d) đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
- (e) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch Của Quỹ và Pháp Luật.
- (f) Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - (a) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - (b) Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc

- (c) Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác. Công ty quản lý quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 32 của Điều Lệ này. Công ty quản lý quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo công ty quản lý quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
 4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm (a), Khoản 1 của Điều này, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV trung bình theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 35. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan, hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ. Thành viên hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác, nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại Các Công Ty Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Đơn Vị Quỹ bằng với giá phát hành hoặc giá mua lại.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát (nếu có), Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản của khách hàng ủy thác, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ.
4. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên Ban điều hành, hội đồng thành viên, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc hoặc nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành

phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm tên chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện giao dịch, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch và phải được lưu tại bộ phận kiểm soát nội bộ và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

5. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoài các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch Của Quỹ.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép:
 - (a) sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - (b) sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ đầu tư, quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
 - (c) sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành Công Ty Quản Lý Quỹ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên nắm giữ trên 10 (mười) % vốn điều lệ;
 - (d) sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác.
 - (e) ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - (f) Thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;

3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng (sau đây gọi tắt là nhân viên nghiệp vụ) không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại;
4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
5. Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định pháp luật tại từng thời điểm; và
6. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

- (a) Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà Đầu Tư trong việc giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- (b) Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát có sai sót, không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- (c) Ngân Hàng Giám Sát đảm bảo thực hiện giám sát các hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ phù hợp quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- (d) Ngân Hàng Giám Sát cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ phù hợp với quy định pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều Lệ Quỹ.
- (e) Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.
- (f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- (g) Ngân Hàng Giám Sát phải giám sát việc tính toán NAV của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ và đảm bảo NAV của Quỹ là chính xác.
- (h) Ngân Hàng Giám Sát phải xử lý các chỉ thị hợp pháp và hợp lệ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc có thể từ chối các chỉ thị đó nếu có cơ sở tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối cùng với lý do

phải được gửi bằng văn bản tới Công Ty Quản Lý Quỹ và bản sao của việc từ chối này phải được gửi đến UBCKNN.

- (i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- (k) Theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
- (l) Tùy theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ tại từng thời điểm và đã được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tới Ngân hàng giám sát trước ít nhất 5 ngày làm việc, Ngân Hàng Giám Sát sẽ tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ, các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ,.

2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát

- (a) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
- (b) Được quyền nhận giá dịch vụ khi cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.
- (c) Được lựa chọn tổ chức tài chính ở nước ngoài có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký phụ để lưu ký các tài sản ở nước ngoài của Quỹ được đầu tư phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 38. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát được đề cập trong Hợp đồng giám sát giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - (a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; giám sát việc xác định NAV; kiểm tra, đảm bảo NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - (b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám

Sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

- (c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - (d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
 - (e) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều lệ này;
 - (f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.
 5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ theo quy định, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.
 6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức

độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo Hợp Đồng Giám Sát giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Ngân Hàng Giám Sát giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - (b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - (c) Quỹ bị giải thể, chia tách, hợp nhất, sáp nhập;
 - (d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng Giám Sát.
2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất chín mươi (90) ngày cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành, trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác.
3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Điều 41. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp
Tổ chức được lựa chọn phải là tổ chức được Pháp Luật cho phép cung cấp dịch vụ đó. Nhân sự cung cấp dịch vụ phải có kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên để đạt đến các tiêu chuẩn quốc tế chuyên nghiệp tốt nhất.
2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo:
Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với đại lý phân phối và nhà đầu tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với đại lý phân phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật

cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà đầu tư, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế.

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý phân phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

(a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
- Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- Xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

(b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm một số hoặc tất cả các hoạt động sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở
- Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
- Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 43. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều Lệ này;
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

8. Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác;
10. Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo về hoạt động ủy quyền theo quy định pháp luật.

Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - (b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - (c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - (d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - (e) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - (f) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (g) Quỹ bị giải thể;
 - (h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 45. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng với Công Ty Quản Lý Quỹ về việc phân phối chứng chỉ quỹ mở;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật. Việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ chỉ được thực hiện tại các địa điểm đã đăng ký;

3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định về ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của khách hàng.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.
5. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
6. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Điều 46. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà

đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
7. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được làm đại lý ký danh, đồng thời phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư.
8. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuyến đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì; trừ trường hợp theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để thực hiện nhận biết khách hàng hoặc tuân thủ quy định về phòng chống rửa tiền, hoặc được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ. Đại Lý Phân Phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá một (01) triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại Lý Phân Phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng
8. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.
9. Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

10. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.
11. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
12. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo:
 - (a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - (b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
 - (c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
 - (d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
 - (e) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
 - (f) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 77, khoản 5 và khoản 6 Điều 78 Thông tư 98/2020/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung theo Điều 25 và Khoản 1 Điều 26 Thông tư 136/2025/TT-BTC).;
 - (g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 78 Thông tư 98/2020/TT-BTC cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 78 Thông tư 98/2020/TT-BTC.;
 - (h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ;
 - (i) Đại Lý Phân Phối có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
13. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo Bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử

(nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.

Chương X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính là giai đoạn mười hai (12) tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong trường hợp, thời gian tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 của năm còn dưới ba (03) tháng, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 50. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

Điều 51. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 40 của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Toàn bộ chứng từ gốc liên quan tới giao dịch của Quỹ và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ban Đại diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ ký. Các báo cáo, nếu có, của Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ và của công ty kiểm toán sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và bất cứ Nhà đầu tư nào cũng có thể xem các báo cáo đó.
3. Tất cả các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được

trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và giao hoặc gửi cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 52. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 53. Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”)

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ phù hợp quy định pháp luật và Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 40 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
2. NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng fax, thư điện tử hoặc phương thức truyền dữ liệu phù hợp của Ngân Hàng Giám Sát, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. NAV của Quỹ và NAV trên Đơn Vị Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn phù hợp với quy định pháp luật và NAV của Quỹ sẽ có giá trị cho đến khi có thông báo mới. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Việc điều chỉnh lại, công bố thông tin và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
3. NAV của Quỹ phải được xác định vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Điều 54. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ

1. Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ. Những thay đổi trong Sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Việc định giá tất cả tài sản đầu tư của Quỹ, bao gồm cả các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, được thực hiện theo quy định tại sổ tay định giá, theo phương pháp đã quy định cho từng loại tài sản.

2. Phương pháp xác định NAV của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với chi tiết như sau:

Bảng A: Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, nơi ngoại tệ của Quỹ đang gửi, tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết (giá giao dịch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày giao dịch đầu tiên theo quyết định niêm yết/quyết định đăng ký giao dịch đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá); hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường hơn +/- 10% khi so

		<p>sánh với giá của kỳ báo cáo gần nhất cùng các điều kiện khác nếu có (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán hủy đăng ký để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp trái phiếu niêm yết hủy niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán hủy đăng ký để làm thủ tục mua lại trước hạn, giá tính theo giá mua lại cộng lãi lũy kế.</p>
7	Trái phiếu không niêm yết	<p>Là một trong các mức giá sau:- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày giao dịch đầu tiên theo quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá), sử dụng một trong các phương pháp sau:

		<ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày giao dịch đầu tiên theo quyết định đăng ký giao dịch đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá), sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá;
11	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá) là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua

12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
Chứng chỉ quỹ		
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá NAV/ đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá NAV/ đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;

		- Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền (công thức được quy định chi tiết trong sổ tay định giá).
18	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới (được quy định chi tiết trong Sổ tay định giá) với điều kiện phương pháp đó là thích hợp và có số liệu. Trường hợp cần áp dụng một phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới nhưng được đánh giá là thích hợp hơn trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải xin phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ.

- Các phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được quy định chi tiết tại Sổ Tay Định Giá.

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu để tham khảo. Nguyên tắc lấy thông tin trên hệ thống báo giá được quy định chi tiết trong Sổ Tay Định Giá.

- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

Điều 55. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Trước Ngày Định Giá

Các nghiệp vụ sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
- Đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng, chi phí quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch và thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam..) tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

2. Tại Ngày Định Giá hoặc Ngày Làm Việc liền sau Ngày Định Giá (trong trường hợp Ngày Định Giá không phải là Ngày Làm Việc)

- Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV và NAV trên một Đơn Vị Quỹ được tính tại Ngày Định Giá.

3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ (nhưng không quá Ngày Giao Dịch tiếp theo):

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho đại lý phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư.

4. Tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ được chuyển đến tài khoản nhà đầu tư đăng ký/chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

Điều 56. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ

1. Thiệt hại gánh chịu bởi Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi NAV của Quỹ bị định giá sai và mức độ sai sót này:

Đạt từ Không phải bảy mươi lăm phần trăm (0,75%) NAV trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu;

sẽ được giải quyết bằng cách điều chỉnh số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư bị thiệt hại nắm giữ hoặc bằng cách thanh toán bằng chuyển khoản trong trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà đầu tư vượt quá một trăm nghìn đồng Việt Nam (100.000 VND).

2. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Quỹ cho những thiệt hại mà Quỹ phải gánh chịu khi nhà đầu tư yêu cầu mua lại Chứng Chỉ Quỹ trong trường hợp sai sót vượt quá mức độ nêu tại Khoản 1 của Điều này mà không thể thu hồi từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - (a) Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ.
 - (b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - (a) Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ
 - (b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ nhà đầu tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình BDDQ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với

quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ

Điều 58. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức
2. Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)
4. Chênh lệch từ bán các khoản đầu tư
5. Chênh lệch từ đánh giá lại các khoản đầu tư
6. Các khoản thu nhập khác phát sinh từ hoạt động của Quỹ

Điều 59. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:
 - (a) Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc
 - (b) NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.
2. Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền mặt hoặc bằng Đơn Vị Quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

Điều 60. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ quản lý hàng năm cho Quỹ tối đa là 0,9% (không phải chín phần trăm) của NAV/năm. Mức giá dịch vụ quản lý cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang thông tin điện tử của VCBF.

2. Giá dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VND (mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

3. Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VND (mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

4. Giá dịch vụ quản trị quỹ

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VND (ba mươi một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

5. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (ba mươi sáu triệu đồng)/ năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng)/ tháng. Giá dịch vụ này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

6. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VND (mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phù hợp với quy định pháp luật, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng.

7. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

8. Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quỹ, các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

9. Chi phí khác

- Chi phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ.
- Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;
- Chi phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
- Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 61. Các điều kiện để hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
2. Việc tách Quỹ sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện (i) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ vô thời hạn giao dịch chứng khoán chiếm phần lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc (ii) theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.
3. Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 62. Điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ

1. Quỹ được thanh lý và giải thể trong các trường hợp sau:
 - (a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc giấy phép thành lập và hoạt động quỹ bị thu hồi nhưng Ban Đại diện Quỹ không tìm được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép.
 - (b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát bị chấm dứt bởi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi và Công Ty Quản Lý Quỹ không tìm được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi.
 - (c) Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ quyết định giải thể Quỹ;

- (d) NAV của Quỹ giảm xuống dưới mười tỷ đồng Việt Nam (10.000.000.000 VNĐ) trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp; và
 - (e) các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Việc thanh lý và giải thể của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích.

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hành động một cách công bằng đối với tất cả các quỹ do mình quản lý, tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Khoản 1 Điều 33 và Khoản 3 Điều 35 của Điều Lệ này và sẽ thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và tiềm tàng. Trong trường hợp nảy sinh xung đột lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 64. Thông báo và công bố thông tin

1. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà đầu tư phải được gửi đến địa chỉ hoặc thư điện tử của Nhà đầu tư đăng ký trong Sổ Đăng Ký. Nhà đầu tư phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ và thư điện tử.
2. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.
3. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư đã được đăng ký tại Sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong Sổ Đăng Ký.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm Nhà đầu tư truy xuất được thông tin về thống kê giao dịch. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thống kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.

Điều 65. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ

1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Điều lệ này.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công Ty Quản lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

Điều 66. Hiệu lực của Điều Lệ

Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có Điều lệ mới được cập nhật và thông qua.

Điều lệ được lập bằng Tiếng Việt và có thể được dịch sang Tiếng Anh cho mục đích tham khảo.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



Nguyễn Thị Hằng Nga
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: 06/UBCK/GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, (và các giấy phép như được sửa đổi vào từng thời điểm).

Công Ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực và tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân Hàng Giám Sát tại mọi thời điểm;
4. Đảm bảo rằng Ban Đại diện Quỹ được thông báo về tất cả các thông tin có liên quan tới Quỹ được điều chỉnh bởi Điều Lệ này.
5. Thanh toán tất cả các khoản chi phí cho Ngân Hàng Giám Sát và các nhà cung cấp dịch vụ khác như quy định trong Bản Cáo Bạch Của Quỹ;
6. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho Ngân Hàng Giám Sát bao gồm các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ, bản đánh giá NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ và các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
7. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho các nhà cung cấp dịch vụ khác để hỗ trợ các nhà cung cấp này hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc nếu nhà cung cấp có yêu cầu;
8. Cung cấp cho Nhà đầu tư bản in của Điều Lệ và Bản Cáo Bạch Của Quỹ, báo cáo thường niên và các báo cáo khác của Quỹ, báo cáo thường niên của Ngân Hàng Giám Sát về công tác quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ và tất cả các sửa đổi và bổ sung và các tài liệu có liên quan khác nếu Nhà đầu tư yêu cầu;
9. Không đầu tư vào các chứng khoán hoặc tài sản mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người liên quan có quyền lợi trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó trừ khi được Pháp Luật cho phép;
10. Luôn luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế là Công Ty Quản Lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
11. Đảm bảo việc định giá và kế toán của các Quỹ là trung thực, chính xác và đúng thời hạn;
12. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ là hoàn chỉnh, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà đầu tư hoặc những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của các thông tin được công bố nêu

trên hoặc các thông tin phải công bố theo quy định của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch vi phạm Pháp Luật và thông lệ chuyên nghiệp quốc tế tốt nhất;
14. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
15. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
16. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật.



Phụ lục 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ sẽ cam kết:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác và tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản của Quỹ, việc xác định NAV của Quỹ, việc xác định NAV trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật hiện hành và phù hợp với Điều Lệ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không trực tiếp hoặc gián tiếp lợi dụng vị thế của mình thu lợi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán hàng năm bởi công ty kiểm toán độc lập.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Nguyễn Thuỳ Linh
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ



Phụ lục 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: 06/UBCK/GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 (và các giấy phép như được sửa đổi vào từng thời điểm).

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thông qua đây cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình vì lợi ích của Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền biểu quyết phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phần/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo chỉ thị và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà Quỹ đã góp vốn vào đó.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ hoặc các giao dịch tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ hoặc Bản Cáo Bạch Của Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



Nguyễn Thị Hằng Nga
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thùy Linh
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ